

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ LONG MỸ
TỈNH HẬU GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do- Hạnh Phúc**

Bản án số: 92/2020/DS-ST
Ngày: 28 – 7 – 2020
V/v: Tranh chấp hợp đồng vay tài sản.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ LONG MỸ, TỈNH HẬU GIANG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Đào Thị Thủy

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Lê Minh Hồng

Ông Lê Công Trứ

Thư ký phiên tòa: Bà Võ Thị Ngọc Nhiệm – Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Long Mỹ, tỉnh Hậu Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Long Mỹ tham gia phiên tòa: Bà Lưu Thị Kim Chúc – Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 7 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Long Mỹ, tỉnh Hậu Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 260/2019/DSST, ngày 31 tháng 12 năm 2019 về việc “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 84/2020/QĐXXST-DS ngày 08 tháng 7 năm 2020 và quyết định hoãn phiên tòa số: 28/2020/QĐST-DS, ngày 16 tháng 7 năm 2020, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Phạm Thị M, sinh năm: 1968.

Địa chỉ: Khóm T, phường X, thị xã Ngã Năm, tỉnh Sóc Trăng. Có mặt

- Bị đơn: Trần Thị S, sinh năm: 1973.

Nguyễn Văn T

Cùng địa chỉ: ấp LB 1, xã LP, thị xã Long Mỹ, tỉnh Hậu Giang. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa nguyên đơn Phạm Thị M trình bày: Vào ngày 20/10/2017 (âl) bà có cho

vợ chồng ông Nguyễn Văn T và bà Trần Thị S vay 30.000.000 đồng, lãi suất thỏa thuận 3%/tháng, khoản vay này ông T, bà S chưa trả vốn, lãi.

Nay nguyên đơn Phạm Thị M yêu cầu ông Nguyễn Văn T, bà Trần Thị S trả số tiền 30.000.000 đồng, và lãi suất theo quy định pháp luật.

Tại biên bản hòa giải ngày 18/6/2020 bà Trần Thị S trình bày: Bà thừa nhận vào năm 2017 bà và chồng là ông Nguyễn Văn T có vay của bà M số tiền 30.000.000 đồng, lãi suất thỏa thuận 3%/tháng. Do làm ăn thất bại nên vợ chồng bà chưa trả vốn và đóng lãi cho bà M. Nay bà M yêu cầu trả 30.000.000 đồng tiền vốn và lãi suất phát sinh bà cũng đồng ý.

Trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn Nguyễn Văn T đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ nhiều lần để trình bày ý kiến, mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhưng vắng mặt không có lý do nên Tòa án không ghi được lời khai của bị đơn Nguyễn Văn T.

Tại phiên tòa Kiểm sát viên phát biểu quan điểm giải quyết vụ án:

Về tố tụng: Qua kiểm sát việc giải quyết vụ án, từ khi tòa án thụ lý vụ án đến nay Thẩm phán được phân công đã chấp hành đúng quy định tại Điều 48 Bộ luật tố tụng dân sự như: Xác định mối quan hệ tranh chấp, tư cách pháp lý của những người tham gia tố tụng, gửi quyết định xét xử cho Viện kiểm sát nghiên cứu, cấp tổng đạt văn bản tố tụng cho những người tham gia tố tụng đúng theo quy định của pháp luật. Tại phiên tòa hội đồng xét xử đã tuân thủ đúng theo thủ tục quy định về phiên tòa sơ thẩm. Đối với các đương sự: Từ khi thụ lý vụ án cũng như tại phiên tòa hôm nay nguyên đơn đã thực hiện đúng các quy định tại các Điều 70,71 Bộ luật tố tụng dân sự, đối với bị đơn chưa thực hiện đúng quy định tại Điều 72 Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Long Mỹ đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc bị đơn Trần Thị S và Nguyễn Văn T liên đới trả cho bà M số tiền còn nợ 46.382.700 đồng (trong đó tiền vốn 30.000.000 đồng và tiền lãi 16.382.700 đồng); Về án phí buộc các bị đơn phải chịu theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Đây là vụ án “Tranh chấp hợp đồng

dân sự - vay tài sản” theo Điều 26, Điều 35 của Bộ luật tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án.

[2] Về thủ tục tố tụng: Bị đơn Nguyễn Văn T, Trần Thị S đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng cố tình vắng mặt không có lý do, vì vậy Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 227; Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt các bị đơn.

[3] Về nội dung: Vào ngày 20/10/2017 ông Nguyễn Văn T và bà Trần Thị S có vay của bà Phạm Thị M 30.000.000 đồng, lãi suất thỏa thuận 3%/tháng. Do ông T, bà S không thực hiện nghĩa vụ trả nợ nên hai bên phát sinh tranh chấp.

[3.1] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, yêu cầu bị đơn trả số tiền vay 30.000.000 đồng: Căn cứ vào biên nhận nợ gốc ngày 20/10/2017 do nguyên đơn cung cấp có chữ ký của bị đơn Nguyễn Văn T và Trần Thị S với số tiền 30.000.000 đồng, Hội đồng xét xử xác nhận ông T, bà S có vay 30.000.000 đồng của bà M là đúng sự thật theo quy định tại Điều 92, Điều 94 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 đây là tình tiết sự kiện không cần chứng minh. Trong quá trình giải quyết vụ án bà S thừa nhận khoản nợ trên, đối với ông T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vẫn cố tình vắng mặt không lý do, xem như bị đơn đã từ bỏ quyền chứng minh đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Xét thấy việc ông T, bà S chậm thực hiện nghĩa vụ trả tiền làm ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn. Do đó việc nguyên đơn khởi kiện yêu cầu ông T, bà S trả số tiền còn nợ 30.000.000 đồng là có cơ sở nên Hội đồng xét xử chấp nhận theo quy định tại Điều 466 Bộ Luật dân sự năm 2015.

[3.2] Xét yêu cầu tính lãi của nguyên đơn.

Căn cứ vào khoản 1 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015 “*lãi suất vay do các bên thỏa thuận. Trường hợp các bên có thỏa thuận về lãi suất thì lãi suất theo thỏa thuận không được vượt quá 20%/năm của khoản tiền vay...*”. Xét thấy, mức lãi suất mà các bên thỏa thuận 3%/tháng là cao so với quy định pháp luật, vì vậy Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 468 Bộ luật dân sự điều chỉnh lại lãi suất là 20%/năm, tương đương 1.67%/tháng.

Khoản vay 30.000.000 đồng vào ngày 20/10/2017 (âl) tức ngày 07/11/2017 (dl) đến ngày Tòa án xét xử sơ thẩm ngày 28/7/2020 là: 30.000.000 đồng x 1.67% x 32 tháng 21 ngày = 16.382.700 đồng.

Tổng số tiền vốn, lãi bị đơn Nguyễn Văn T, Trần Thị S phải trả là: 30.000.000 đồng + 16.382.700 đồng = 46.382.700 đồng.

[3] Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát đề nghị chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ, nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4] Án phí dân sự sơ thẩm: Căn cứ vào Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy Ban Thường Vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, bị đơn Nguyễn Văn T, Trần Thị S phải chịu theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 26; Điều 35, Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 463, Điều 466, 468 Bộ luật dân sự năm 2015; Nghị quyết 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11 tháng 01 năm 2019 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy Ban Thường Vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

[1] Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Phạm Thị M.

[2] Buộc bị đơn Nguyễn Văn T, Trần Thị S trả cho nguyên đơn Phạm Thị M số tiền 46.382.700 đồng (trong đó tiền vốn 30.000.000 đồng và tiền lãi 16.382.700 đồng).

[3] Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

[4] Án phí dân sự sơ thẩm: Bị đơn Nguyễn Văn T và Trần Thị S phải nộp số tiền 2.319.135 đồng (Hai triệu, ba trăm mười chín ngàn, một trăm ba mươi lăm đồng).

Nguyên đơn Phạm Thị M được nhận lại 750.000 đồng (Bảy trăm năm mươi ngàn đồng) tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0000711 phiếu lập ngày 31 tháng 12 năm 2019 tại Chi cục thi hành án dân sự thị xã Long Mỹ.

[5] *Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành*

án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các điều 6, 7, 7a,7b và điều 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

[6] Nguyên đơn được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm (ngày 28/7/2020). Bị đơn được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết tại UBND xã, phường nơi các bị đơn cư trú.

Nơi Nhận:

- TAND tỉnh Hậu Giang;
- VKSND thị xã Long Mỹ;
- CCTHADS thị xã Long Mỹ;
- Các đương sự;
- Lưu HS;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

đã ký

Đào Thị Thủy